

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 003/VCF/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là (“VCF”)

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554

Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm BRCGS số 381A1810005 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.



**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN HCA**

**2. Thành phần:** Đậu nành, cà phê 111 g<sup>(#)</sup>, caffeine

<sup>(#)</sup> Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất (điều kiện bảo quản dưới 25 °C); hoặc

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất (ở điều kiện thường)

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. Khối lượng tịnh: 25 kg, 320 kg, 450 kg

- Các bao 25 kg được đóng trong thùng carton với quy cách 1 bao/thùng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX-HSD)

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền)
2. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026



**Nguyễn Phúc Hậu**



Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



## Phụ lục

### DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 003/VCF/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Số TCCS 03:2026/BH106
	HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN HCA	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

#### 1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

- Trạng thái: Dạng bột, tơi khô, không vón cục, không có vật lạ.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng.
- Mùi, vị: Thơm đặc trưng, không có mùi, vị lạ.

#### 2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5$
2	Hàm lượng caffeine (cafein)	% khối lượng	2,5 – 5

#### 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$10^3$
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
3	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
4	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	$10^2$

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế không có quy định cho nhóm sản phẩm hỗn hợp cà phê hòa tan):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	10,0



Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)

# HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN HCA

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 25 kg

**Thành phần:** Đậu nành, cà phê 111 g<sup>(#)</sup>, caffeine

<sup>(#)</sup> Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm.

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Sản xuất theo số TCCS** 03:2026/BH106

**Ngày sản xuất (NSX):** xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng (HSD):** 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

**Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng. Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ đậu nành.**

**Sản phẩm chất lượng của:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

**Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam.**

**Tư vấn khách hàng: 1800 6068.**

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

13-05-2026



NHÂN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)

# HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TÁN HCA

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 450 kg

Thành phần: Đậu nành, cà phê 111 g<sup>(#)</sup>, caffeine

<sup>(#)</sup> Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 03:2026/BH106

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì.

Hạn sử dụng (HSD): 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng. Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ đậu nành.

Sản phẩm chất lượng của: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

13 -05- 2026



NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN)

# HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TÁN HCA

LOẠI: (vị trí in mã kiểm soát nội bộ)

## Khối lượng tịnh: 320 kg

Thành phần: Đậu nành, cà phê 111 g<sup>(#)</sup>, caffeine

<sup>(#)</sup> Khối lượng nguyên liệu để sản xuất 100 g thành phẩm.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 2,5 %.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trong chế biến thực phẩm và đồ uống.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 03:2026/BH106

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì.

Hạn sử dụng (HSD): 24 tháng kể từ NSX (điều kiện bảo quản dưới 25 °C) hoặc 12 tháng kể từ NSX (ở điều kiện thường)

Kiểm tra ngày sản xuất và hạn sử dụng trước khi dùng. Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ đậu nành.

Sản phẩm chất lượng của: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068.

Bản tự công bố này đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

13 -05- 2026



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : P2SX2601160144-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00013650

Mã số Eol : 005-32410-652597  
 Tên mẫu : Hỗn hợp cà phê hoà tan HCA  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm  
 Ngày nhận mẫu : 17/01/2026 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/01/2026  
 Thời gian thử nghiệm : 18/01/2026 - 29/01/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008; ISO 16649-2:2001	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD026 VD (a) Cafein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	3.49
9	VD241 VD (a) pH (dung dịch 1,2 %, 25°C)		EVN-R-RD-2-TP-5846 (Ref. AOAC 943.02)	5.30
10	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	10.3
11	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết(<0.03)
14	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
15	VD50K VD (a) Độ ẩm (Karl Fischer)	%	TCVN 9722:2013 (ISO 20938:2008)	3.41



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00013650

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VDL14 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-19659 (Tham khảo AOAC 2000.09; AOAC 2004.10; TCVN 8426:2010; TCVN 9724:2013 (EN 14132:2009))	Không phát hiện (LOD=0.3)

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.  
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.  
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/03/2026.

**Ghi chú giải thích**

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-26-VD-025878-01/743-2026-00013650, xuất ngày 10/02/2026; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : P2SX2602270157-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00043788

Mã số Eol : 005-32410-684402  
 Tên mẫu : HỖN HỢP CÀ PHÊ HÒA TAN HCA  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm  
 Ngày nhận mẫu : 28/02/2026 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/03/2026  
 Thời gian thử nghiệm : 02/03/2026 - 06/03/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD346 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/03/2026.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.